

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-4-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, bà Nguyễn Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Minh P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/4/2019.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì bà V và ông P chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện nay đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn nữa nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà V và ông P có 01 con chung là cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 06/3/2020. Cháu Phạm Anh Đ còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ và do ông Phạm Minh P thường xuyên đi làm xa nhà nên sau khi ly hôn bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Anh Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện bà V đang làm công việc tự do, có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung vì vậy bà V không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Minh P trình bày:

Ông P và bà V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/4/2019.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông P đồng ý với bà V về mâu thuẫn vợ chồng như bà V trình bày. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay đã sống ly thân nhau. Ông P nhận thấy tình cảm của ông P dành cho bà V vẫn còn nên ông P không đồng ý ly hôn với bà V. Trường hợp bà V đồng ý giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông P đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông P và bà V có 01 con chung là cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 06/3/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông P và bà V ly hôn thì ông P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 06/3/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay ông P đang làm công việc là thợ cơ khí nhưng không làm cố định tại 01 địa điểm mà có ai thuê thì ông P sẽ đi làm, thu nhập hàng tháng của ông P không cố định khoảng 14.000.000 đồng/tháng và ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Minh P.

Về con chung: Giao cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 06/3/2020 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Minh P và giải quyết nuôi con, đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bị đơn ông Phạm Minh P cư trú tại thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/4/2019.

Theo bà V và ông P trình bày, trong thời gian chung sống bà V và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà V và ông P không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả

hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông P.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà V và ông P chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Trong thời gian bà V và ông P chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Bà V và ông P đã sống ly thân nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù ông P xác định không muốn ly hôn với bà V, tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà V và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với ông P của bà V.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà V và ông P có 01 con chung là cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 06/3/2020.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Bà V và ông P đều chứng minh bản thân có công việc và mức thu nhập ổn định đủ để đảm bảo cuộc sống và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên hiện nay cháu Phạm Anh Đ còn nhỏ, hiện đang do bà V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, mặt khác ông P thường xuyên đi làm xa, không dành nhiều thời gian để chăm sóc con. Do đó để đảm bảo cho lợi ích phát triển ổn định của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Đức cho bà V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là có căn cứ.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Phạm Minh P không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Minh P.

Về con chung: Giao cháu Phạm Anh Đ, sinh ngày 06/3/2020 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Minh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Minh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0005104 ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My